

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị C, sinh năm 1980 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt). Địa chỉ cư trú: Số 561, Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Trịnh Châu T (N), sinh năm 1980 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt). Địa chỉ cư trú: Số 561, Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Số 333, tổ 10, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2000, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T ghen tuông, hăm dọa đánh chị. Từ đó, chị sợ và bỏ nhà đi từ tháng

3/2013 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Trịnh Quốc H, sinh ngày 20/6/2001 và Trịnh Trung K, sinh ngày 04/10/2005. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động được, còn cháu K đang sống cùng với anh T. Khi ly hôn chị đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo tờ tự khai ngày 07/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trịnh Châu T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị C chung sống với nhau vào năm 2000, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do anh nghe điện thoại của chị C và phát hiện người đàn ông khác có sự quan tâm, lo lắng cho chị C vượt giới hạn bạn bè nên anh mới ghen tuông, hăm dọa đánh chị C và chị C bỏ nhà đi từ tháng 3/2013 cho đến nay. Thời gian ly thân anh nhiều lần tìm kiếm chị C để hàn gắn tình cảm nhưng không được do chị C cố tình né tránh, không chịu gặp anh.

Nay trước yêu cầu ly hôn của chị C anh nhận thấy vẫn còn tình cảm và còn thương chị C, nhưng chị C cương quyết yêu cầu ly hôn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Trịnh Quốc H, sinh ngày 20/6/2001 và Trịnh Trung K, sinh ngày 04/10/2005. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động được, còn cháu K đang sống cùng với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các tờ xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 07/02/2022 giữa chị C và anh T thể hiện anh chị không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang nơi anh chị cư trú.

Tại phiên toà,

- Chị C và anh T đều vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với anh T nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*". Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Nhưng hiện đang sinh sống, làm việc tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị C và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là không đúng với quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh T.

[2.2] *Về con chung:* Chị C và anh T có 02 (hai) con chung là Trịnh Quốc H, sinh ngày 20/6/2001 và Trịnh Trung K, sinh ngày 04/10/2005. Xét thấy, anh T có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K, chị C cũng đồng ý và cháu K cũng có nguyện vọng được sống với cha. Đồng thời, để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Riêng cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên không xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật:

Căn cứ vào Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chị C là người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Anh T và các thành viên trong gia

đình không được cản trở chị C đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị C, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Do chị C là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con nên chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3, Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị C và anh Trịnh Châu T.

- Về con chung: Anh Trịnh Châu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trịnh Trung K, sinh ngày 04/10/2005. Riêng cháu Trịnh Quốc H, sinh ngày 20/6/2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên không xem xét, giải quyết.

Anh Trịnh Châu T và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Huỳnh Thị C đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị C và anh Trịnh Châu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003558 ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên chị C không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị C, anh Trịnh Châu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện A, tỉnh An Giang;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyên